

Số: 2380 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 15 tháng 11 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của tại Công ty TNHH Ningbo Changya Plastic (Việt Nam) tại Văn bản số 08-GPMT ngày 25 tháng 8 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định, cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 10/GPMT ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa Ningbo Changya (Việt Nam);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7578/TTr-STNMT ngày 02 tháng 11 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Ningbo Changya Plastic (Việt Nam), địa chỉ tại lô B7.1, đường C3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa Ningbo Changya (Việt Nam) tại lô B7.1, đường C3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của Dự án:**

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa Ningbo Changya (Việt Nam).

1.2. Địa điểm hoạt động: lô B7.1, đường C3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV tại mã số: 3901260168, đăng ký lần đầu ngày 20/3/2018,

thay đổi lần 8 ngày 16/6/2023; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại mã số: 69846568466, chứng nhận lần đầu ngày 29/6/2023.

1.4. Mã số thuế: 3901260168.

1.5. Loại hình Dự án: sản xuất bộ dụng cụ ăn uống bằng nhựa (ly, chén, đĩa, khay, hộp,...), sản xuất các sản phẩm từ giấy (khay, bát, dao, nĩa, thìa, ly, đĩa, hộp, khăn giấy, túi giấy), sản xuất bộ dụng cụ ăn uống (ly, chén, đĩa, khay, hộp,...) từ bột giấy, bột bã mía và sợi thực vật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.6.1. Tổng diện tích: 140.056,6 m<sup>2</sup>.

1.6.2. Quy mô, công suất: sản xuất bộ dụng cụ ăn uống bằng nhựa quy mô 10.000 tấn/năm, sản xuất các sản phẩm từ giấy (khay, bát, dao, nĩa, thìa, ly, đĩa, hộp, khăn giấy, túi giấy) quy mô 20.000 tấn/năm và sản xuất sợi bông, quy mô 22.000 tấn/năm và bộ dụng cụ ăn uống (ly, chén, đĩa, khay, hộp,...) từ bột giấy, bột bã mía và sợi thực vật quy mô 80.000 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Ningbo Changya Plastic (Việt Nam) được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Ningbo Changya Plastic (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND phường An Hòa; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQLKKT;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường An Hòa;
- Công ty CP KCN Thành Thành Công;
- Công ty TNHH Ningbo Changya Plastic (Việt Nam);
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

W

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Chiến**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2380.../GPMT-UBND  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công, không xả thải ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận đối nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công theo văn bản đã ký giữa Công ty và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp bao gồm: hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 77/2023/HĐTLĐ-TTCIZ ngày 25/04/2023.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh tại các nhà xưởng, văn phòng được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ, nước thải từ nhà bếp nấu ăn được thu gom vào bể tách dầu mỡ để xử lý; lưu lượng phát sinh khoảng 88,47 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom về 13 bể tự hoại (bao gồm 09 bể có thể tích 23,5 m<sup>3</sup>/bể, 02 bể có thể tích 18,77 m<sup>3</sup>, 02 bể có thể tích 9,1 m<sup>3</sup>/bể) và 03 bể tách dầu mỡ có thể tích 2,31 m<sup>3</sup>/bể. Nước thải sau xử lý sơ bộ đạt yêu cầu tiếp nhận của khu công nghiệp Thành Thành Công dẫn vào hố ga thu gom nước thải trong khuôn viên Dự án, sau đó dẫn ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Thành Thành Công bằng đường ống HDPE D200mm.

- Nước thải sản xuất: nước thải từ quá trình xả đáy bể chứa dung dịch hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt, định kỳ 6 tháng/lần sẽ tiến hành xả đáy với lưu lượng 30 m<sup>3</sup>/lần và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt: nước thải → bể tự hoại → hố ga thu gom nước thải trong khuôn viên Dự án.

- Nước thải nhà bếp nấu ăn: nước thải → bể tách dầu mỡ → hố ga thu gom nước thải trong khuôn viên Dự án.

- Nước thải từ quá trình xả đáy bể chứa dung dịch hấp thụ của hệ thống xử lý

khí thải lò dầu tải nhiệt: hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

→ Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án đều được xử lý sơ bộ đạt yêu cầu tiếp nhận của Khu công nghiệp Thành Thành Công và theo đường ống thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

- Hóa chất sử dụng: không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống thu gom nước thải để tăng khả năng thoát nước và loại bỏ các chất bẩn.

- Định kỳ hợp đồng đơn vị có chức năng tiến hành thu gom bùn bể tự hoại.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung phân khu đa ngành của Khu công nghiệp Thành Thành Công.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2380./GPMT-UBND  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:**

- Nguồn số 01: bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu than đá để vận hành lò dầu tải nhiệt số 1 có công suất 18 triệu kcal/giờ;
- Nguồn số 02: bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu than đá để vận hành lò dầu tải nhiệt số 2 có công suất 18 triệu kcal/giờ;
- Nguồn số 03: bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu than đá để vận hành lò dầu tải nhiệt số 3 có công suất 18 triệu kcal/giờ (là lò dầu tải nhiệt hoạt động dự phòng khi xảy ra sự cố).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải:****2.1. Vị trí xả bụi, khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: tại ống thoát khí thải chung sau ba (03) hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải riêng biệt của các nguồn số 1, 2, 3. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 1219 670.8; Y = 586 047.1.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°03', múi chiều 3°)

- Vị trí xả bụi nằm trong khuôn viên Dự án tại lô B7.1, đường C3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải, bụi lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 90.000 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: khí thải sau khi qua hệ thống xử lý được xả ra môi trường thông qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng bụi, khí thải khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số Kp = 1 và Kv = 1,0, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	P < 100.000	06 tháng/lần	Thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200		thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

- Nguồn số 01, 02, 03: tại mỗi nguồn lắp đặt đường ống thu gom và hệ thống xử lý bụi, khí thải riêng biệt theo phương án khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT, hệ số K<sub>p</sub> = 1 và K<sub>v</sub> = 1 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; khí thải sau ba (03) hệ thống xử lý của nguồn số 01, 02, 03 được xả ra môi trường thông qua 01 ống thải cao 20 mét (tính từ mặt đất đến đỉnh của ống thải).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò dầu tải nhiệt công suất 18 triệu kcal/giờ, nhiên liệu đốt là than đá của nguồn số 01, 02, 03 có công nghệ xử lý giống nhau, quy trình:

+ Quy trình công nghệ: bụi, khí thải → thiết bị thu hồi nhiệt → thiết bị thu bụi nhiều ống gồm → tháp hấp thụ → quạt hút → ống thoát khí thải.

+ Công suất thiết kế: 45.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch NaOH 10%.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: tại ống khói thoát khí thải chung sau ba (03) hệ thống xử lý khí thải của ba (03) lò dầu tải nhiệt công suất 18 triệu kcal/giờ.

- Thông số lắp đặt: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi tổng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- Camera theo dõi: lắp đặt Camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh Tây Ninh để theo dõi, giám sát.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý cho nhân viên vận hành hệ thống.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị thường xuyên.
- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.
- Khi xảy ra sự cố sẽ dừng hoạt động, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm Dự án.

#### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Ba (03) hệ thống xử lý bụi, khí thải cho lò dầu tải nhiệt số 1, 2, 3 công suất 18 triệu kcal/giờ/lò.

##### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Thực hiện đúng theo Thông tư số 10/2021/BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

+ Ba (03) vị trí tại đường ống dẫn khí trước thiết bị thu bụi nhiều ống gom và một (01) vị trí tại một (01) ống khói thoát khí thải sau ba (03) hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt công suất 18 triệu kcal/giờ/lò.

##### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

#### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: tối thiểu 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào (nếu có) và tổ hợp mẫu đầu ra).

+ Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường) trong ít nhất 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp



ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2380./GPMT-UBND  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: máy móc, thiết bị khu vực sản xuất bộ dụng cụ ăn uống bằng nhựa.

- Nguồn số 02: máy móc, thiết bị khu vực sản xuất các sản phẩm từ giấy.

- Nguồn số 03: máy móc, thiết bị khu vực sản xuất bộ dụng cụ ăn uống từ bột giấy, bột bã mía và sợi thực vật.

- Nguồn số 04: khu vực lò dầu tải nhiệt.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: X = 1219 778.0; Y = 586 771.3

- Nguồn số 02: X = 1219 706.2; Y = 586 424.0

- Nguồn số 03: X = 1219 529.0; Y = 586 396.1

- Nguồn số 04: X = 1219 656.1; Y = 586 103.3.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.

+ Các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo trì bảo dưỡng định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

+ Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

+ Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt,...

+ Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2380./GPMT – UBND*  
*ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	15	Rắn
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	45	Lỏng
3	Pin, ắc quy thải	19 06 01	8	Rắn
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	85	Rắn
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	13	Rắn
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	38	Rắn
7	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	10	Rắn
8	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải (nước thải từ quá trình hấp thụ được xả bỏ định kỳ)	04 02 03	60.000	Lỏng
<b>Tổng cộng</b>			<b>60.214</b>	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bao bì, thùng carton	18 01 05	Rắn	10
2	Bavia nhựa	03 02 12	Rắn	101

	<b>Loại chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Trạng thái</b>	<b>Khối lượng (tấn/năm)</b>
3	Bavia giấy, các sản phẩm từ giấy bị lỗi	18 01 05	Rắn	4.817
4	Tro đáy, xỉ than và bụi lò dầu tải nhiệt	04 02 06	Rắn	1.184
5	Cát cặn và tạp chất	09 03 03	Rắn	80
<b>Tổng cộng</b>				<b>6.192</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

<b>TT</b>	<b>Loại chất thải</b>	<b>Khối lượng (tấn/năm)</b>
1	Chất thải rắn sinh hoạt	216

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Một (01) kho lưu chứa chất thải nguy hại: 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: có tường gạch bao quanh, mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ như cát khô và xẽng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý tất cả chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 40 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường gạch, có mái che bằng tôn, nền bê tông không bị thấm thấu.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý tất cả chất thải rắn công nghiệp thông thường theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý tất cả chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

**1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành Nhà máy đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

**2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ**

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

- Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Xây dựng các chương trình huấn luyện, tập huấn cho công nhân viên những kiến thức về an toàn lao động, công tác cứu hộ, sơ tán khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2380./GPMT – UBND  
ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

Không có.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải: nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại, bể tách dầu mỡ đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Thành Thành Công, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Phân khu đa ngành của Khu công nghiệp Thành Thành Công. Tuyệt đối không được xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

5. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố bụi, khí thải đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

8. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo





đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

10. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

11. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

12. Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

12.1. Công khai kết quả quan trắc chất thải tự động, liên tục (bao gồm so sánh với giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đã được cấp phép) trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Dự án. Vị trí đặt bảng thông tin điện tử phải thuận lợi cho người dân theo dõi, giám sát. Thời điểm công khai ngay sau khi có kết quả quan trắc và công khai kết quả liên tục trong thời gian 30 ngày.

12.2. Công khai kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Dự án. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định./.